

Bản án số: 283/2022/HS-ST

Ngày: 22-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Trọng Minh Thông và bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Long - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 234/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Thiên V, sinh ngày 30/11/1996 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Phòng C, chung cư V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thiên H, sinh năm 1969 và bà Lê Thị H, sinh năm 1969; vợ, con: Không có; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/9/2019 bị Công an huyện P, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm quy định về quảng cáo làm ảnh hưởng mỹ quan, an toàn giao thông, xã hội và trên phương tiện giao thông với số tiền 350.000đ, bị cáo đã nộp phạt xong vào ngày 01/10/2019; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2022 đến ngày 22/5/2022, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. A Bảo Thuận H1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 308 đường C, phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn T, xã A, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Bà Võ Thị M, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 84 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. A Trần Văn T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 21 đường B, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Ông Trần N Q, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số 140 đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

6. Bà Đoàn Thị Mỹ C, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 40/5 đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Lô B, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

8. Chị Ngô Thị Nhật A, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 11/34 đường H, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

9. Chị Mai Thị Minh D, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số 81/8 đường L, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

10. Chị Nguyễn Thị Cẩm U, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 112 đường A, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 02 năm 2022, bị cáo Lê Thiên V vào thành phố H với mục đích kiếm việc làm. Biết người dân ở thành phố H cần vay tiền không thể chấp nên V đã nảy sinh việc cho người khác vay không cần thế chấp, thời hạn ngắn để lấy lãi nhằm kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Từ tháng 02 năm 2022, V đã cho tổng cộng 10 người vay, với số tiền từ 5.000.000đ đến 40.000.000đ mỗi người, cụ thể:

Người vay 1: Vào cuối tháng 4 năm 2022, Lê Thiên V cho anh Bảo Thuận H1 vay số tiền 10.000.000đ, chu kỳ trả trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000đ, V thu tiền phí người này là 500.000đ. Khi đưa tiền, V thu ngày đầu và ngày cuối số tiền góp ngày, số tiền thực tế V đưa anh H1 là 8.500.000đ. H1 trả V được 13 ngày thì đáo hạn để vay mới số tiền 10.000.000đ. Lần vay mới, V đưa là 3.500.000đ, V đã thu anh H1 được 05 ngày, anh H1 còn phải nộp cho V 20 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính V thu được từ anh H1 là 3.835.616đ, lãi suất 365%.

Người vay 2: Vào đầu tháng 5 năm 2022, V cho chị Nguyễn Thị N vay số tiền 40.000.000đ, chu kỳ trả trong 24 ngày, mỗi ngày trả 2.000.000đ, V thu tiền phí 2.000.000đ. Khi đưa tiền, V thu ngày đầu và ngày cuối số tiền góp ngày, số tiền thực tế V đưa 34.000.000đ. N trả V được 16 ngày, N còn phải nộp cho V 08 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính V thu được từ chị N là 6.982.645 đồng, lãi suất 304%.

Người vay 3: Vào giữa tháng 4 năm 2022, V cho chị Võ Thị M vay số tiền 10.000.000đ, chu kỳ trả trong 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000đ, V không thu tiền phí người này. Khi đưa tiền, V thu ngày đầu và ngày cuối số tiền góp ngày, số tiền thực tế V đưa là 9.200.000đ. Chị M trả V được 20 ngày thì đáo hạn để vay mới số tiền 10.000.000đ, số tiền thực tế V đưa lần này là 6.000.000đ, lần này V

thu được 20 ngày, chị M còn phải nộp cho V 10 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính V thu được từ chị M là 3.059.360 đồng, lãi suất 243%.

Người vay 4: Vào ngày 03 tháng 5 năm 2022, V cho anh Trần Văn T số tiền vay 20.000.000đ, chu kỳ trả trong 25 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000đ, V thu tiền phí người này là 500.000đ. Khi đưa tiền, V thu ngày đầu và ngày cuối số tiền góp ngày, số tiền thực tế V đưa là 17.500.000 đồng. Anh T trả V được 10 ngày, anh T còn phải nộp cho V 15 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính V thu được từ anh T là 2.390.410 đồng, lãi suất 365%.

Người vay 5: Vào đầu tháng 4 năm 2022, V cho anh Trần N Q vay số tiền 5.000.000đ, chu kỳ trả trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000đ, V thu tiền phí người này là 250.000đ. Khi đưa tiền, V thu ngày đầu và ngày cuối số tiền góp ngày, số tiền thực tế V đưa là 4.250.000 đồng. Lần thứ hai anh Q tiếp tục vay 5.000.000đ, số tiền V đưa lần này là 2.500.000 đồng, trả V được 13 ngày còn 12 ngày nữa là xong. Tổng số tiền thu lợi bất chính V thu được từ anh Q là 1.966.300đ, lãi suất 365%.

Người vay 6: Vào đầu tháng 02 năm 2022, V cho chị Đoàn Thị Mỹ C vay số tiền 10.000.000đ, chu kỳ trả trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000đ, V thu tiền phí người này là 500.000đ. Khi đưa tiền, V thu ngày đầu và ngày cuối số tiền góp ngày, số tiền thực tế V đưa là 8.500.000đ. Chị C trả V đáo hạn để vay mới lần 02 số tiền 10.000.000đ, số tiền V đưa lần này là 6.000.000đ. Chị C tiếp tục đáo hạn để vay mới lần 03 số tiền 10.000.000đ, số tiền V đưa lần này là 4.000.000 đồng. Lần vay mới (lần thứ 3), V đã thu chị C được 20 ngày, chị C còn phải nộp cho V 05 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính V thu được từ chị C là 8.116.436đ, lãi suất 365%.

Người vay 7: Vào đầu tháng 3 năm 2022, V cho chị Nguyễn Thị Thùy T1 vay số tiền 5.000.000đ, chu kỳ trả trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000đ, V thu tiền phí người này 250.000đ. Khi đưa tiền, V thu ngày đầu và ngày cuối số tiền góp ngày, số tiền thực tế V đưa là 4.250.000đ. Chị T1 trả V 12 ngày thì đáo hạn để vay mới 01 lần, lần này V đưa chị T1 1.000.000đ. Lần vay mới (lần thứ 2), V đã thu chị T1 được 14 ngày, chị T1 còn phải nộp cho V 11 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính V thu được từ chị T1 là 2.343.150đ, lãi suất 365%.

Người vay 8: Vào ngày 18 tháng 4 năm 2022, V cho chị Ngô Thị Nhật A vay số tiền 15.000.000đ, chu kỳ trả trong 31 ngày, mỗi ngày trả 600.000đ, V không thu phí đối với chị A. Khi đưa tiền, V thu ngày đầu và ngày cuối số tiền góp ngày, số tiền thực tế V đưa là 13.800.000đ thông qua chuyển khoản. V đã thu chị A được 25 ngày, chị A còn phải nộp cho V 06 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính V thu được từ chị A là 2.697.746đ, lãi suất 282%.

Người vay 9: Vào cuối tháng 3 năm 2022, V cho chị Mai Thị Minh D vay số tiền 20.000.000đ, chu kỳ trả trong 31 ngày, mỗi ngày trả 800.000đ, thông qua việc nhận tiền mặt trực tiếp tại nhà chị D hoặc chị D sẽ chuyển khoản, V thu tiền phí người này 400.000đ, số tiền thực tế V đưa là 19.600.000 đồng. V đã thu chị

D được 28 ngày, chị D còn phải nộp cho V 03 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính V thu được từ chị D là 4.428.634đ, lãi suất 282%.

Người vay 10: Vào cuối tháng 3 năm 2022, V cho chị Nguyễn Thị Cẩm U vay với số tiền 5.000.000đ, chu kỳ trả trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000đ, V thu tiền phí người này 250.000đ. Khi đưa tiền, V thu ngày đầu và ngày cuối số tiền góp ngày, số tiền thực tế V đưa là 4.250.000đ. Chị U trả V được 10 ngày thì đáo hạn để vay mới 5.000.000đ. Lần vay mới (lần thứ 2) số tiền thực tế V đưa là 500.000 đồng, V đã thu chị U được 14 ngày, chị U còn phải nộp cho V 11 ngày nữa. Tổng số tiền thu lợi bất chính V thu được từ chị U là 2.343.150đ, lãi suất 365%.

Như vậy, bị cáo Lê Thiên V đã có hành vi cho 10 người vay tiền, gồm 17 lượt vay với số tiền 195.000.000 đồng. Trong đó, số tiền thực tế V bỏ ra là 147.350.000 đồng, V đã thu lại được số tiền 178.400.000 đồng (trong đó tiền lãi 33.705.376 đồng, tiền gốc 144.694.624 đồng), lãi suất cho vay từ 282% đến 365%, cao hơn từ 14 đến 18 lần mức lãi suất mà Bộ luật dân sự cho phép, thu lợi bất chính số tiền 38.493.047 đồng (trong đó số tiền phí hồ sơ là 6.900.000 đồng, lãi bất hợp pháp là 31.593.047 đồng).

Vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ:

+ 01 thẻ ngân hàng MB Bank, số T khoản 6868196686868.

+ 01 điện thoại di động Nokia, màu xA dương, bên trong gắn thẻ sim số 0797376863.

+ 01 điện thoại Iphone 6S, màu vàng gold, IC 579C-E2946A, gắn sim số 0382299539.

Tại bản Cáo trạng số 251/CT-VKSTPH ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Thiên V về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm Điều 35 và Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thiên V hình phạt chính là hình phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Buộc bị cáo Lê Thiên V phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền gốc thực tế dùng để cho vay là 147.350.000đ và số tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 2.112.328đ.

- Buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người liên quan, cụ thể: Trả cho anh Bảo Thuận H1 3.835.616đ, chị Nguyễn Thị N 6.982.648đ, bà Võ Thị M 3.059.361đ, anh Trần Văn T 2.390.411đ, ông Trần N Q 2.295.890đ, bà Đoàn Thị Mỹ C 8.116.438đ, chị Nguyễn Thị Thùy T1

2.343.151đ, chị Ngô Thị Nhật A 2.697.746đ, chị Mai Thị Minh D 4.428.635đ, chị Nguyễn Thị Cẩm U 2.343.151đ.

- Buộc những người liên quan phải nộp lại số tiền gốc đã vay nhưng chưa trả để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể: anh Bảo Thuận H1 8.000.000đ, chị Nguyễn Thị N 13.333.333đ, bà Võ Thị M 3.333.333đ, anh Trần Văn T 12.000.000đ, ông Trần N Q 2.400.000đ, bà Đoàn Thị Mỹ C 2.000.000đ, chị Nguyễn Thị Thùy T1 2.200.000đ, chị Ngô Thị Nhật A 2.903.226đ, chị Mai Thị Minh D 1.935.486đ, chị Nguyễn Thị Cẩm U 2.200.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ngân hàng MB Bank, số tài khoản 6868196686868; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia, màu xA dương, bên trong gắn thẻ sim số 0797376863 và 01 điện thoại Iphone 6S, màu vàng gold, IC 579C-E2946A, gắn sim số 0382299539.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các T liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Từ tháng 02 năm 2022, tại địa bàn thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo Lê Thiên V đã cho tổng cộng 10 người vay với số tiền từ 5.000.000 đến 40.000.000 mỗi người, lãi suất cho vay từ 282% đến 365%, cao hơn từ 14 đến 18 lần mức lãi suất mà Bộ luật dân sự cho phép, thu lợi bất chính tổng số tiền 38.493.047 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo V đã phạm vào tội “Cho vay lãi

nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố.

[3] Xét căn cứ quyết định hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Bị cáo đã dùng thủ đoạn lợi dụng hoàn cảnh người vay gặp khó khăn hoặc cần tiền gấp để thực hiện hành vi ép người vay tiền phải chịu lãi suất rất cao nhằm thu lợi bất chính. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 điện thoại di động Nokia, màu xanh dương, bên trong gắn thẻ sim số 0797376863 và 01 điện thoại Iphone 6S, màu vàng gold, IC 579C-E2946A, gắn sim số 0382299539; đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 thẻ ngân hàng MB Bank, số T khoản 6868196686868 là phương tiện dùng vào việc phạm tội do không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền lãi và phí bất hợp pháp mà bị cáo Lê Thiên V đã thu được của 10 người vay là Bảo Thuận H1, Nguyễn Thị N, Võ Thị M, Trần Văn T, Trần N Q, Đoàn Thị Mỹ C, Nguyễn Thị Thùy T1, Ngô Thị Nhật A, Mai Thị Minh D, Nguyễn Thị Cẩm U tổng cộng số tiền là 38.493.047đ. Cần buộc bị cáo V phải trả lại cho 10 người vay số tiền lãi và phí bất hợp pháp, cụ thể:

- Trả cho anh Bảo Thuận H1 3.835.616đ;
- Trả cho chị Nguyễn Thị N 6.982.648đ;
- Trả cho bà Võ Thị M 3.059.361đ;
- Trả cho anh Trần Văn T 2.390.411đ;
- Trả cho ông Trần N Q 2.295.890đ;
- Trả cho bà Đoàn Thị Mỹ C 8.116.438đ;
- Trả cho chị Nguyễn Thị Thùy T1 2.343.151đ;
- Trả cho chị Ngô Thị Nhật A 2.697.746đ;
- Trả cho chị Mai Thị Minh D 4.428.635đ;

- Trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm U 2.343.151đ.

Đối với khoản tiền bị cáo Lê Thiên V thực tế dùng để cho vay là 147.350.000đ được xác định là phương tiện phạm tội và số tiền lãi không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 2.112.328đ được xác định là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần buộc bị cáo Lê Thiên V phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước là 149.462.328đ.

Đối với số tiền gốc mà những người vay tiền đã nhận nhưng chưa trả lại đủ, số tiền này là phương tiện phạm tội nên cần buộc những người vay tiền nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- Anh Bảo Thuận H1 phải nộp 8.000.000đ;
- Chị Nguyễn Thị N phải nộp 13.333.333đ;
- Bà Võ Thị M phải nộp 3.333.333đ;
- Anh Trần Văn T phải nộp 12.000.000đ;
- Ông Trần N Q phải nộp 2.400.000đ;
- Bà Đoàn Thị Mỹ C phải nộp 2.000.000đ;
- Chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải nộp 2.200.000đ;
- Chị Ngô Thị Nhật A phải nộp 2.903.226đ;
- Chị Mai Thị Minh D phải nộp 1.935.486đ;
- Chị Nguyễn Thị Cẩm U phải nộp 2.200.000đ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 1.942.652đ (38.493.047đ phải trả cho 10 người vay x 5% = 1.942.652đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thiên V phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Xử phạt: Bị cáo Lê Thiên V 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 13/5/2022 đến ngày 22/5/2022 là 09 ngày, được quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, như vậy số ngày bị cáo V được trừ đi là 27 ngày. Bị cáo Lê Thiên V còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Lê Thiên V cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện X, tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Thiên V.

3. Về xử lý vật chứng, tuyên:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động Nokia, màu xanh dương, bên trong gắn thẻ sim số 0797376863;

- 01 điện thoại Iphone 6S, màu vàng gold, IC 579C-E2946A, gắn sim số 0382299539.

Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ngân hàng MB Bank, số tài khoản 6868196686868.

Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/10/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về trách nhiệm dân sự:

* Buộc bị cáo Lê Thiên V phải trả lại cho 10 người vay số tiền lãi và phí bất hợp pháp, cụ thể:

- Trả cho anh Bảo Thuận H1 3.835.616 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị N 6.982.648 đồng;
- Trả cho bà Võ Thị M 3.059.361 đồng;
- Trả cho anh Trần Văn T 2.390.411 đồng;
- Trả cho ông Trần N Q 2.295.890 đồng;
- Trả cho bà Đoàn Thị Mỹ C 8.116.438 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị Thùy T1 2.343.151 đồng;
- Trả cho chị Ngô Thị Nhật A 2.697.746 đồng;
- Trả cho chị Mai Thị Minh D 4.428.635 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm U 2.343.151 đồng.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* Buộc bị cáo Lê Thiên V phải nộp lại số tiền 149.462.328 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

* Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp lại số tiền để sung vào ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- Anh Bảo Thuận H1 phải nộp 8.000.000 đồng;
- Chị Nguyễn Thị N phải nộp 13.333.333 đồng;
- Bà Võ Thị M phải nộp 3.333.333 đồng;
- Anh Trần Văn T phải nộp 12.000.000 đồng;
- Ông Trần N Q phải nộp 2.400.000 đồng;
- Bà Đoàn Thị Mỹ C phải nộp 2.000.000 đồng;
- Chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải nộp 2.200.000 đồng;

- Chị Ngô Thị Nhật A phải nộp 2.903.226 đồng;
- Chị Mai Thị Minh D phải nộp 1.935.486 đồng;
- Chị Nguyễn Thị Cẩm U phải nộp 2.200.000 đồng.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Thiên V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.942.652 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND tỉnh TT. Huế;
- Sở Tư pháp TT. Huế;
- PV06 CA tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CA thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Văn Hạnh